

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2019/DS-PT
Ngày: 17/10/2019
*“V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản
và tranh chấp về hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân
- Các thẩm phán : 1/ Ông Nguyễn Quyến
2/ Ông Nguyễn Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2019/TLPT - DS ngày 26/8/2019 về việc *“Tranh chấp HĐ vay tài sản và tranh chấp về hui”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2019/QĐ-PT ngày 01/10/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị P, sinh năm 1970. (có mặt)
HKTT: xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng
Địa chỉ tạm trú: số khu vực 3, phường H, quận C, TP. Cần Thơ.
2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: khu vực 2, phường H, quận C, TP. Cần Thơ.
3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Huỳnh Văn N (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: khu vực 2, phường H, quận C, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* ***Nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày và yêu cầu:*** vào năm 2016, Bà có làm chủ hui, bà U có tham gia hai dây hui tháng, dây hui 1.000.000đ (Một triệu đồng), cụ thể:

Dây hui thứ nhất: Hui tháng, mở ngày 10/5/2016 (Âm lịch), hui gồm 26 phần, mỗi phần 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà U tham gia 01 phần, đã hót hui lần thứ hai vào ngày 10/6/2016 (Âm lịch). Khi hót hui bà U kêu hui là 320.000đ,

bà U hốt tổng cộng được 17.320.000đ (mười bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), gồm 1 phần chết và 24 phần sống.

Sau khi hốt hụi, bà U góp lại cho Bà được 16 phần hụi chết, còn lại 8 phần hụi chết bà U không đóng tiếp, mặc dù Bà đòi rất nhiều lần. Trong dây hụi này bà U còn nợ Bà 8 phần hụi chết là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền bà U thiếu lại của lần đóng hụi trước đó.

Dây hụi thứ hai: Hụi tháng, mở ngày 30/6/2016 (Âm lịch), hụi gồm 26 phần, mỗi phần 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà U tham gia 01 phần. Bà U hốt hụi lần thứ ba vào ngày 30/8/2016 (Âm lịch). Khi hốt hụi bà U kêu hụi là 330.000đ, bà U hốt tổng cộng được 17.410.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng), gồm 2 phần chết và 23 phần sống.

Sau khi hốt hụi bà U đóng lại cho Bà được 13 phần hụi chết, còn lại 10 phần hụi chết bà U không đóng tiếp, mặc dù Bà đã đòi rất nhiều lần. Trong dây hụi này bà U nợ Bà 10 phần hụi chết là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tổng số tiền hụi mà bà U còn nợ Bà là 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Về số tiền vay: vào tháng 6 năm 2016, bà U có hỏi vay của Bà số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), là chỗ quen biết nên lãi suất thỏa thuận mỗi tháng bà U đưa vài trăm nghìn đồng nhưng không cố định, có tháng bà U không đưa tiền lãi cho Bà, kể từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017 Bà đã nhận tiền lãi từ bà U khoảng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), hai bên không có ấn định cụ thể ngày trả tiền gốc, nhưng có thỏa thuận khi nào Bà muốn lấy lại tiền gốc thì phải báo cho bà U trước 01 tháng. Nhưng kể từ tháng 6 năm 2017 đến nay Bà đã nhiều lần yêu cầu bà U trả tiền vay nhưng bà U không trả.

Nay Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả cho Bà tổng số tiền là 37.100.000đ (Ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng) tạm tính đến ngày là ngày 23/5/2019. Trong đó: Tiền nợ hụi còn thiếu của hai dây hụi là: 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng). Tiền vay còn thiếu: nợ gốc là 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); tiền lãi tạm tính đến ngày 23/5/2019 là: 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định pháp luật cho đến khi bà Nguyễn Thị U trả dứt nợ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi 02 (hai) dây hụi do bà Lê Thị P là chủ hụi, mỗi dây gồm 26 phần, mỗi phần 1.000.000đ, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: mở ngày 10/5/2016 (âm lịch), gồm 26 phần, mỗi phần 1.000.000đ, Bà tham gia 01 phần. Bà đã hốt hụi và góp lại hụi chết cho bà P. Dây hụi này Bà chỉ còn nợ 03 (ba) lần đóng hụi chết là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và có một lần đóng hụi còn thiếu lại bà P 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Dây hụi thứ hai: mở ngày 30 (âm lịch) của năm 2016, nhưng tháng nào thì Bà không nhớ, gồm 26 phần, mỗi phần 1.000.000đ, Bà tham gia 01 phần. đã hốt

hụi và góp hụi chết còn nợ lại 04 (bốn) lần với tổng số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Về tiền vay: Vào ngày 20/11/2014, Bà có hụi vay của bà P 02 lần với tổng số tiền là: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), hàng tháng Bà đóng lãi cho bà P là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) trên tổng số nợ 13.500.000đ, Bà đóng lãi đến ngày 20/11/2017 thì ngưng cho đến nay.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà P, Bà đồng ý trả cho bà P tổng cộng 20.700.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong đó: Nợ hụi là 7.200.000đ; nợ vay là 13.500.000đ. Và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20/11/2017 đến nay trên số nợ vay là 13.500.000đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Nan bày:*

Bà Nguyễn Thị U là vợ của Ông, bà U có chơi hụi do bà P làm chủ hụi hay không Ông không biết. Ông cũng không biết việc bà U vay tiền của bà P, vì vậy Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử. Tại bản án số 30/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ va {tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị P số tiền nợ hụi và nợ vay còn lại là: 37.325.000đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Lê Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Nguyễn Thị U chậm thi hành thì hàng tháng bà Nguyễn Thị U còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian bị đơn chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần nợ hụi, ngày 15/7/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị U có đơn kháng cáo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, chỉ thừa nhận còn nợ tiền hụi của nguyên đơn 7.200.000đ.

Nguyên đơn trình bày, thông thường nếu đến kỳ mà hụi viên không góp hụi thì phải ký vào sổ của chủ hụi xác nhận còn thiếu, nhưng vì bị đơn cố tình trốn tránh nên nguyên đơn không thể yêu cầu bị đơn ký xác nhận nợ. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện, có cung cấp giấy ghi hội nhưng không có chữ ký của các hội viên, giấy ghi hội do nguyên đơn lập không được bị đơn thừa nhận; nguyên đơn thừa nhận bị đơn có góp hội chết sau khi hốt hội nhưng cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn ngưng góp hội từ khi nào nên chưa đủ cơ sở để xác định bị đơn còn nợ tiền hội của nguyên đơn là 18.200.000đồng. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về phần nợ hội theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Trong Đơn khởi kiện ngày 20/3/2019, nguyên đơn bà Lê Thị P yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị U phải trả cho bà số tiền đã vay và số tiền hội chưa góp. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về hội” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị P không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng không có kháng nghị, bị đơn bà Nguyễn Thị U kháng cáo bản án sơ thẩm về phần nợ hội, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận số tiền hội bà phải trả cho bà Em là 7.200.000đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

Lời khai của nguyên đơn và bị đơn thống nhất trước đây bị đơn có tham gia góp các dây hội do nguyên đơn làm chủ, cụ thể:

- Dây hội thứ nhất: hội tháng, mở ngày 10/5/2016 (Âm lịch), hội gồm 26 phần, mỗi phần 1.000.000đ (Một triệu đồng), bị đơn tham gia 01 phần và đã hốt hội ở kỳ thứ 2

- Dây hội thứ hai: hội tháng, mở ngày 30/6/2016 (Âm lịch), hội gồm 26 phần, mỗi phần 1.000.000đ (Một triệu đồng), bị đơn tham gia 01 phần và đã hốt hội ở kỳ thứ 3.

Nguyên đơn và bị đơn cũng khai thống nhất sau khi hốt hội bị đơn có góp hội chết lại cho nguyên đơn nhưng về số tiền đã góp hội chết nguyên đơn và bị đơn khai không thống nhất, nguyên đơn cho rằng dây hội thứ nhất bị đơn còn nợ lại 08 kỳ và 200.000đồng, dây hội thứ hai bị đơn còn nợ lại 10 kỳ góp hội. Bị đơn chỉ thừa nhận dây hội thứ nhất chỉ nợ lại 03 kỳ góp và 200.000đồng, dây hội thứ hai chỉ nợ lại 04 kỳ góp. Xét thấy:

[4] Theo lời khai của các đương sự thì cả hai dây hội trên đều là hội tháng và đều có 26 phần, như vậy ngày chấm dứt hội của dây thứ nhất là ngày 10/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2018 dương lịch) và ngày chấm dứt hội của dây hội thứ hai là ngày 30/7/2018 âm lịch (nhằm ngày 09/9/2018 dương lịch). Từ đó cho thấy cả hai dây hội đều được xác lập, thực hiện trước ngày Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường có hiệu lực (ngày

05/4/2019). Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị định này để giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là chưa chính xác.

[5] Theo quy định tại Điều 9 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phùng thì “Chủ họ phải lập sổ họ; sổ họ có thể bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ của chủ họ và các thành viên trong họ; phân họ, kỳ mở họ, thể thức góp họ và lĩnh họ; số tiền, tài sản khác đã góp họ hoặc đã lĩnh họ; việc chuyển giao phân họ; việc ra khỏi họ và chấm dứt họ; chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp họ và lĩnh họ; các nội dung khác liên quan đến hoạt động của họ”. Nguyên đơn cho rằng khi mở hội nguyên đơn có lập sổ hội tuy nhiên chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là các tờ giấy tập có tiêu đề là danh sách hội (BL 57, 58, 59) nội dung của chứng cứ này chỉ thể hiện được loại hội, ngày mở hội, số thành viên tham gia đây hội mà không thể hiện được quá trình góp hội của các hội viên, nhất là không có chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp họ và lĩnh họ. Nguyên đơn trình bày sau khi bị đơn lĩnh hội (hốt hội) có góp hội chết nhưng không đầy đủ và còn nợ lại tiền chưa góp của hai đây hội là 18.200.000đồng; tuy nhiên, do nguyên đơn không lập sổ hội để theo dõi chi tiết từng kỳ góp hội của các hội viên nên không có chứng cứ chứng minh được bị đơn đã ngưng góp hội vào thời gian như nguyên đơn đã trình bày, trong khi bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ tiền hội 7.200.000đồng. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kháng cáo của bị đơn có cơ sở để xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với phân tích trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền đã yêu cầu mà không được chấp nhận (18.200.000đồng – 7.200.000đồng = 11.000.000đồng)

Do sửa án sơ thẩm nên không ai phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phùng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị U. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị P số tiền 26.325.000đồng (Trong đó nợ hụi là 7.200.000đồng và tiền vốn, lãi nợ vay là 19.125.000đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Lê Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Nguyễn Thị U chậm thi hành thì bị đơn còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian bị đơn chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là $11.000.000\text{đồng} \times 5\% = 550.000\text{đồng}$, nhưng được khấu trừ vào 905.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 007203 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn còn được nhận lại 405.000đồng (bốn trăm linh năm đồng)

- Bị đơn bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là $26.325.000\text{đồng} \times 5\% = 1.316.000\text{đồng}$ (một triệu, ba trăm, mười sáu nghìn đồng).

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu,; bị đơn bà Nguyễn Thị U được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 007479 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND Q. C;
- Chi cục THA.DS Q. C;
- Lưu (2b).

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Vân